

I V# 88338

TRO HOANG (Kim Hoang)

To whom it may concern:

I am writing this letter in regarding my husband, TONG VIET HO who I have tried to sponsor since 1983. My husband was worked for the former government before 1975. Because of his activity before the war, he was in prison for 17 years. Following his release he has been clasified as RD1 on the H.O. list from the U.S. government requesting permission from the Vietnamese government for him to leave the country. Being on the list of priority and having a Visa since 1985, my husband has all the qualifications to reunite with his family - his wife and children whom he has not seen for 18 years. But twice he was scheduled to leave the country both times having airplane tickets in his hand, each time he was stopped by the Vietnamese government. Their reason of stopping him was that before he can leave the country he has to donate his house to the government. But the truth is he has never own a house in his life. The house we lived in before belonged to me which I sold 13 years ago when I left the country. It seems very unfair for my husband who is a victim in a polical ploid. He who spent almost half of his life in prison now struggles helplessly fighting back an unjusted system, what concerns me the most is the deteriorating of his mental health which is the result of 18 years of abuses both physically and mentally. His situation seems hopeless within our power. Therefore, I am begging you to help us as much as you can to resolve our problem. It is so painful for me to give in now after struggling 18 years to reunite with my husband.

I would appreciate to your concern and please inform me of any information that you can find out.

Sincerely,



Hoang, Tro Thi  
September 28, 1993

HO CHI MINH CITY  
INDEPENDENCE - PEACE - HAPPINESS**OUTGOING MAIL**

(Seal)

LAND AND BUILDING BUREAU

Number: 53-31/6

September 14, 1993

03497 (LT)

TO: - UBND.TP (Internal Policy Section)  
- BUREAU OF FOREIGN AFFAIRS  
- INTERNATIONAL TICKETS OFFICE  
- PORT SECURITY OF TAN SON NHUT

The Land and Property Bureau suggests that the Authority Agencies postpone the flight of: Sept. 16, 1993 for the following families:

1. TRAN THI BICH:	506-335: 167B/2 PHAM THE HIEN Q3
2. NGUYEN VAN HOC:	H15-633: 86/19 LE LAI F14 TAN BINH
3. NGUYEN THI BICH HAU:	162-3001: 24A 1st STREET CAPITAL HOUSING Q3
4. NGUYEN THI MY LE:	H19-614: 329 NGUYEN DUY DUONG F4 Q10
5. DAO TRONG CHI:	H18-1073: 305/36/5 LE VAN SI F1 TAN BINH

FLIGHT OF 9/15/93:

HO VIET TONG: 205-1025: 329 HAI BA TRUNG Q3

REASON: HAVE NOT FILED DECLARATION OF LAND AND BUILDING STATUS

When these families have resolved their problems, the Bureau of Land and Building will notify the agencies for the continuation of the exit process.

DIRECTOR OF LAND AND BUILDING BUREAU

Illegible signature and seal

C.C:

- As above
- Persons concerned
- File: VP, PPDC

NgL

Translated by: Vuong T. Nguyen 10-1-93  
VUONG T. NGUYEN

Washington State Certified Court Interpreter

Translators note:

Names in this letter are left in the native language order (Last, Middle, First), numbers for family file and address could be not accurate due to fax quality.

Line: FLIGTH OF 9/15/93; HO VIET TONG: 205-1025: 329 HAI BA TRUNG Q3 appeared to be

BỘ NỘI VỤ  
Trại

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Học tập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QL.TG, ban  
hành theo công văn số  
2363 ngày 27 tháng 11  
năm 1972

Thứ tự: Số 25 /Q.H.T

0031 8209272

Số 50

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCT/TT ngày 21-5-1991 của Bộ Nội vụ  
Thi hành án xin, quyết định tha số

04/BNT

26

01

1992

của

Nay cấp giấy thi cho anh, chị có tên sau đây

Họ tên khai sinh: **Ho Viet Tong**

Sinh năm 1937

Các tên gọi khác:

Họ sinh: **Thiên**Nơi đăng ký nhận khẩu thường trú trước khi bị bắt: **501/96/7 đường 16, vân duy**  
**quận 10, tp/HCM**

Thiếu tá, trưởng lữu sưu tập đoàn 40, đơn vị 101.

Cán bộ

15.6.75

An phạt

TTOP

Bị bắt ngày

Theo quyết định, án vẫn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tống án: **lần, cộng thành** năm **tháng**Đã được giảm án: **lần, cộng thành** năm **tháng**Nay về cư trú tại: **329 Hai bà trưng, quận 3, tp/HCM**

Nhận xét quá trình cải tạo

Quá trình cải tạo ở trại anh **Tong** có bộ gắng, Trong lao

động, học tập và chấp hành nội qui của trại.

\* Tiền di đường đã nộp đủ từ trại về đến gia đình.

Đường sự phải trình diện tại UBND Phường, xã: **Nơi cư trú**Trước ngày: **13 tháng 02 năm 1992**Lập tay ngón tay phải  
của **Ho Viet Tong**.Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấyNơi: **Trại** Ngày: **2. năm 1992****Hoàng Thị Bình**

Đóng lén 18.03  
sắc nhỡi: Ông Hồ Việt Tông  
đã đến trình diện điều tra phong trào

TP. HỒ CHÍ MINH Ngày 18/03/1993  
Hàu Môn: Ông Hồ Việt Tông



Nguyễn Văn Giáp

816 Airport Way South  
Seattle, Washington 98134

## NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

HUANG - TRO VIET

NAME OF BENEFICIARY	
HO - TRO, VIET	
CLASSIFICATION	FILE NO.
2030(2)	
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
5-17-81	18 MAY 1984

Date: 18 MAY 1984

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no assurance that the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1.  YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK, THAILAND. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
2.  IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION AT THE SAME TIME. IF THE PETITION IS MADE BEHALF OF YOU, SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3.  YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT BANGKOK, THAILAND. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE IS NOTING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISA. VISA'S ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISA'S MAY BE ISSUED BY THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED. IF THE SAME CLASSIFICATION WHEN THE BENEFICIARY IS TURNED REFUSED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL ADVISE HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
4.  THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.
5.  THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6.  THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE. THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
7.  ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HEREWITHE.
8.  REMARKS

VERY TRULY YOURS,

*James G. Tamm, Jr.*  
James G. Tamm, Jr.  
DISTRICT DIRECTOR

THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở : .....

Từ ngày ..... tháng ..... năm .....  
Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

.....	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHUNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 320337 CN

Họ và tên chủ hộ : Khoa Ngan, Chi, De

Áp, ngõ, số nhà : 329

Thị trấn, đường phố : Khu Bô Cung

Xã, phường :

Huyện, quận :

Ngày 25 tháng 2 năm 1992  
Trưởng công an : 03  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



## **NHỮNG NGƯỜI THƯỞNG TRÚ TRONG HỘ**

IMMIGRATION AND NATURALIZATION SERVICE

816 Airport Way South  
Seattle, Washington 98134

## NOTICE OF APPROVAL OF RELATIVE IMMIGRANT VISA PETITION

NAME AND ADDRESS OF PETITIONER

HUANG - TRO VIET

NAME OF BENEFICIARY	
HO - TRO, VIET	
CLASSIFICATION	FILE NO.
203(2)(2)	
DATE PETITION FILED	DATE OF APPROVAL OF PETITION
5-17-84	18 MAY 1984

Date: 18 MAY 1984

Please be advised that approval of the petition confers upon the beneficiary an appropriate classification. The approval constitutes no basis upon which the beneficiary will be found eligible for visa issuance, admission to the United States or adjustment to lawful permanent resident status. Eligibility for visa issuance is determined only when application therefor is made to a consular officer; eligibility for admission or adjustment is determined only when application therefor is made to an immigration officer. Also, please note the items below which are indicated by "X" marks concerning this petition:

1.  YOUR PETITION TO CLASSIFY THE BENEFICIARY AS AN IMMEDIATE RELATIVE OF A UNITED STATES CITIZEN HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT DA NANG, VIETNAM. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THE UNITED STATES CONSULATE, WHICH IS UNDER THE SUPERVISION OF THE DEPARTMENT OF STATE, WILL ADVISE THE BENEFICIARY CONCERNING VISA ISSUANCE. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
2.  IF YOU BECOME NATURALIZED AS A CITIZEN OF THE UNITED STATES AND AN IMMIGRANT VISA HAS NOT YET BEEN ISSUED TO THE BENEFICIARY, NOTIFY THIS OFFICE IMMEDIATELY, GIVING THE DATE OF YOUR NATURALIZATION AT THE SAME TIME. IF THE PETITION IS MADE ON BEHALF OF YOU, SON OR DAUGHTER, ALSO ADVISE WHETHER THAT PERSON IS STILL UNMARRIED. THIS INFORMATION MAY EXPEDITE THE ISSUANCE OF A VISA TO THE BENEFICIARY.
3.  YOUR PETITION FOR PREFERENCE CLASSIFICATION, AS SHOWN ABOVE, HAS BEEN FORWARDED TO THE UNITED STATES CONSULATE AT DA NANG, VIETNAM. THIS COMPLETES ALL ACTION BY THIS SERVICE ON THE PETITION. THIS SERVICE HAS NOTHING TO DO WITH THE ACTUAL ISSUANCE OF VISA. VISA'S ARE ISSUED ONLY BY UNITED STATES CONSULS WHO ARE UNDER THE JURISDICTION OF THE U.S. DEPARTMENT OF STATE. UNDER THE LAW ONLY A LIMITED NUMBER OF VISA'S MAY BE ISSUED, AND THAT DEPARTMENT DURING EACH YEAR AND THEY MUST BE ISSUED STRICTLY IN THE CHRONOLOGICAL ORDER IN WHICH PETITIONS WERE FILED. IF THE SAME CLASSIFICATION WHEN THE BENEFICIARY IS TURNED REFUSED ON THE VISA WAITING LIST, THE UNITED STATES CONSUL WILL ADVISE HIM AND CONSIDER ISSUANCE OF THE VISA. Inquiry concerning visa issuance should be addressed to the Consul. This Service will be unable to answer any inquiry concerning visa issuance.
4.  THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. THE ENCLOSED APPLICATION FOR THIS PURPOSE (FORM I-485) SHOULD BE COMPLETED AND SUBMITTED BY THE BENEFICIARY WITHIN 30 DAYS IN ACCORDANCE WITH THE INSTRUCTIONS CONTAINED THEREIN. IF THE BENEFICIARY HAD PREVIOUSLY SUBMITTED FORM I-485 WHICH WAS RETURNED TO HIM, HE SHOULD RESUBMIT THAT FORM WITHIN 30 DAYS.
5.  THE BENEFICIARY WILL BE INFORMED OF THE DECISION MADE ON HIS PENDING APPLICATION TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT (FORM I-485).
6.  THE PETITION STATES THAT THE BENEFICIARY IS IN THE UNITED STATES AND WILL APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT. HOWEVER, AN IMMIGRANT VISA NUMBER IS NOT PRESENTLY AVAILABLE; THEREFORE, THE BENEFICIARY MAY NOT APPLY TO BECOME A LAWFUL PERMANENT RESIDENT.
7.  ORIGINAL DOCUMENTS SUBMITTED IN SUPPORT OF YOUR PETITION UNACCOMPANIED BY COPIES THEREOF HAVE BEEN MADE A PERMANENT PART OF THE PETITION. ANY OTHERS ARE RETURNED HEREWITHE.
8.  REMARKS

VERY TRULY YOURS,

*James G. Tamm, Jr.*  
James G. Tamm, Jr.  
DISTRICT DIRECTOR

Nguyen Van Nguu

August 1, 1993

Director  
Orderly Departure Program  
American Embassy  
Box 58  
APO AP 96546-0001

Re.: Interview # H16-929/AEA  
IV # 333052

Dear Madam:

In my recent telephone conversation with the Bureau for Refugee Program, Department of State, I was told that my daughter named Nguyen Thi Thu Nguyet and her children were not eligible for entry to the United States because of three following reasons:

- a/ She is not part of my household;
- b/ She is not single;
- c/ She does not depend on me.

I would like to clarify with you these points:

1/ In 1975, I was sent to re-education camp. My wife and all of my children stayed together and often visited me while I was still being detained. My daughter, Nguyen Thi Thu Nguyet became head of household after my wife died in April 1986. On February 13, 1988, I was released and returned to our house and registered as a member of her household. I lived with her until I left Vietnam.

2/ My daughter was granted divorce on March 1988. Her husband remarried and has another child with his new wife. On September 18, 1992, after her interview, she was approved to accompany me to resettle in the United States with the following conditions:

- She must guarantee that she will not file petition for her divorced husband when she arrives in the U.S;
- She must submit her children's school transcripts to verify that they live with her;

- She must submit new marriage certificate of her husband with his second wife.

All of these documents were submitted on 9/28/92. My daughter and her children completed their medical examination on 11/21/1992. In February 1993, she received your rejection letter and we did not understand the reasons until I arrived in the United States and made contact with the Bureau for Refugee Program to find out about the above reasons of ODP's rejection.

3/ After my daughter received your approval to accompany me to resettle in the United States, she resigned her job as seamstress in waiting for departure. Unfortunately, in February, 1993 she received your letter to deny her entry to the United States of America. She has been unemployed ever since. While I was still in Vietnam, we have to rely on other family members for financial support because we were unable to find a regular job. Until now, my daughter is still jobless.

I came here alone. I am over sixty years old. Physically, I am not very healthy after more than thirteen years in prison. I suspect that I will be able to get a good job to support myself. Psychologically, I am so depressed for being here alone without children or relatives. Therefore, I would like to appeal to you and request your reconsideration in allowing my daughter and her children to join me in the United States. We will never forget your generosity and humanitarian attitudes in helping the Vietnamese political prisoners and their families to resettle in America.

Thank you very much for your reconsideration.

Sincerely,



---

Nguyen Van Nguu

# VĂN PHÒNG DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ DỊCH THUẬT

## INTERNATIONAL IMMIGRATION AND TRANSLATION SERVICES

6269 Leesburg Pike, Suite 102, Herndon, VA. 22044 \* Tel: (703) 241-9211

PEOPLE'S COURT  
Nha Be District  
Case No. 28/TL.LH  
Date: 03/08/93

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Liberty - Happiness

EXTRACT FROM THE DIVORCE DECISION  
NO. 16/QD.LH

Today, May 4th 1988 at the People's Court of Nha Be District, we, Nguyen Ngoc Diep Deputy Judge with Ms. Lam Thi Thu served as secretary proceeded to make the divorce decision between:

- Plaintiff: Ms. Nguyen Thi Thu Nguyet, born in 1960, residing at 196/3 Ton That Thuyet, Ward 3, 4th Precinct, Ho Chi Minh city, occupation: merchant.
- Defendant: Mr. Pham Van Duc, born in 1955, residing at K056, Hamlet 4, Tan Thuan Tay village, Nha Be district, occupation: Merchant.

### HISTORY

Ms. Nguyen Thi Thu Nguyet and Mr. Pham Van Duc married in 1977 but did not register for marriage license.

After the wedding, Ms. Nguyet came to stay with her husband's family, she claimed that they were not happy although they had three children because Mr. Duc did not trust and respect her family. According to Mr. Duc, they still lived happily until 1985. Then, his wife changed her life's style, they quarreled with each other. Later, around November 1987, Ms. Nguyet left their home and returned to her mother's home and started her own business. There is no longer happiness in the family. Ms. Nguyet later filed for divorce. In his efforts to reconcile, Mr. Duc wanted to make up their shortcomings, but Ms. Nguyet determined to continue her divorce, therefore, Mr. Duc agreed to divorce. The court had tried to reconcile several times without results.

About their children: They have three children together:

Pham Thi Minh Chau, born in 1978  
Pham Van Duy, born in 1980  
Pham Van Quang, born in 1983

After the divorce, they agreed that Ms. Nguyet has the custody over Pham Thi Minh Chau, born in 1978, Mr. Duc has the custody over Pham Van Duy, born in 1980 and Pham Van Quang, born in 1983. Ms. Nguyet gives 10kgs of rice as child support based on official price of the food supplies company, starting June/88 until Quang reaches adulthood.

About their properties: They had 01 Black/White Television 16", 01 Cassette Player, 01 "Singer" Sewing Machine and other miscellaneous items.

After divorce, they agreed that Ms. Nguyen gets the Cassette Player, and the sewing machine. Mr. Duc gets TV set and other miscellaneous items.

Based of their mutual agreement about their divorce decision between Ms. Nguyen Thi Nguyet and Mr. Pham Van Duc, and about their agreement on the children and properties.

Based on Articles 20, 36 of the law to organize the People's Court dated July 13, 1981.

DECISION OF THE PEOPLE'S COURT OF NHA BE DISTRICT

- To implement articles 40, 42, 44, 45 of the Family and Marriage Law announced on 01/03/1967.
- Husband/Wife Relationship: It is to recognize the divorce between Mrs. Nguyen Thi Thu Nguyet and Mr. Pham Van Duc.
- Their children: This is to recognize that Ms. Nguyet has the custody for Pham Thi Minh Chau, born in 1978 and Mr. Duc has the custody for Pham Van Duy, born in 1980 and Pham Van Quang born in 1983.

Ms. Nguyet will give 10 kgs of rice as child support for Quang, starting June 1988 until he reaches the adulthood. The rice price is base on current market price of the food supplies company.

They both have equally communal duties and rights for their children. For the benefit of the children, it is possible to change the arrangement for child care and support

- Communal properties: It is to agree that Ms. Nguyet owns 01 cassette player and 01 "Singer" sewing machine. Mr. Duc owns 16" Black/White Television and other miscellaneous items.

Divorce fee 300 piasters will be equally divided.

Both have the rights to appeal to the People's Court of Ho Chi Minh city in 15 days after this decision is made./.

People's Court of Nha Ba district  
Deputy Judge NGUYEN NGOC DIEP (signed and sealed)  
Extract true copy from the original  
September 27, 1988  
The People's Court of Nha Be District  
Deputy Judge  
Nguyen Ngoc Diep (signed and sealed)

CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE:

I, Kim Hong Thi Tran, hereby certify that the above is an accurate translation of the Divorce Certificate in Vietnamese and that I am competent both in Vietnamese and English to render such translation.

Date: October 2, 1993

Signature: 

Certified true signature:

Kim Dung Thi Tran

Kim Dung Thi Tran  
Notary Public for the Commonwealth of Virginia  
My Commission expires on November 30, 1994

# VĂN PHÒNG DỊCH VỤ DI TRÚ VÀ DỊCH THUẬT

## INTERNATIONAL IMMIGRATION AND TRANSLATION SERVICES

6269 Leesburg Pike, Suite 104 \* Falls Church, VA. 22044 \* Tel: (703) 241-9211

### TRANSLATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*\*\*

page 1

#### CERTIFICATE OF FOOD RATION REGISTRATION

HO CHI MINH CITY

No. 404295/CN

Head of Household: NGUYEN THI MINH  
Address number : 196/3  
Street : Ton That Thuyet  
Ward : 3  
District : 4

Date: March 10th 1982  
Security Chief of 4th District  
(signed & sealed illegibly)

page 2

#### NAMES OF PERMANENT RESIDENTS IN THE HOUSEHOLD

No.	Full name	Relationship	Sex	DOB	ID No.	Occupation	Regist. Date	Date/Place new address
1	Nguyen Thi Minh	Head Household	F	7/19/32	020489975	Seamstress	10/01/76	
2	Nguyen T. Thu Nguyet	daughter	F	10/01/60	020518034	"	"	
3	Pham Thi Minh Chau	grand child	F	10/21/78			10/31/78	
4	Pham Van Dzuy	grand child	M	07/07/80			07/17/80	
5	Pham Van Quang	grand child	M	12/09/83			12/21/83	
6	Nguyen Thanh Son	son	M	1955	022288844		02/13/87	
7	Nguyen T. Thanh Mai	Sister	F	1957			02/13/87	
8	Nguyen Van Nguu	Father	M	1928	022600537		04/05/88	
9	Nguyen Thanh Phong	Brother	M	1958	0222405879		10/04/89	
10	Nguyen Thanh Hung	Brother	M	1956			05/03/90	
11	Tran Thi Mien	Sister in law	F	1965	181340669		02/22/91	

True copy from the original  
June 5, 1993  
For the People's Committee of Ward 3  
For the Chairman  
Tran Thi Nga (signed and sealed)

#### CERTIFICATION OF TRANSLATOR'S COMPETENCE:

I, Kim Hong Thi Tran, hereby certify that the above is an accurate translation of the original FOOD RATION REGISTRATION in Vietnamese and that I am competent in both Vietnamese and English to render such translation.

Date: October 1, 1993

Signature: 

Certified true signature:

Kim Hong Thi Tran

Kim Hong Thi Tran  
Notary Public for the Commonwealth of Virginia  
My commission expires on November 30, 1994

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ

Số thụ lý : 28/QL.LH

Ngày 08.03.1988

ĐỊA ĐIỂM XÃ HỘI CỦA

ĐỐC LÝ - TƯ DO - HÀM

(+) VIỆT SĨNH CÔNG NGHỆ THUẬN TÌNH

LÝ HỘN

Số 116/QD.LH

-----000-----

Hôm nay ngày 4 tháng Năm 1988 tại Tòa án nhân dân Huyện Nhà Bè, chúng tôi Nguyễn Ngọc Diệp Phó chánh án có làm thi. Thủ làm thư ký tiến hành xét kiện thuận tình ly hôn giữa :

Nguyễn Sơn : Chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt, sinh năm 1960  
ngụ tại : 196/3 Tôn thất Thuyết Phường 3 Quận 4 TP. Hồ Chí Minh  
Nghề nghiệp : Bán hàng.

Đối đơn : Anh Phạm Văn Đức sinh năm 1955 ngụ tại 7 K55  
ấp 4 Xã Tân Thuận Tây - Nhà Bè. Nghề nghiệp : buôn bán.

1/ Q.I - Đ.U.0

Chị Nguyễn Thị Thu Nguyệt và anh Phạm Văn Đức xây dựng  
giả định năm 1977 đang ký kết hôn  
không

Qua khi cưới chị Nguyệt và chồng sống với gia đình chồng,  
chị Nguyệt cho là vợ chồng không hạnh phúc dù đã có 03 con chung  
vì trong sinh hoạt anh Đức không tin tưởng và tôn trọng gia đình  
vợ, theo anh Đức vợ chồng vẫn sống hòa thuận đến 1985 thì xảy ra  
nhau thuận nguyên nhân do vợ anh thay đổi trong sinh hoạt, vì nghĩ  
ngờ nên vợ chồng có xung đột với nhau, thời gian sau này vào  
tháng 11/87 chị Nguyệt đã bỏ về nhà mẹ ruột và tách ra bán riêng  
nhà riêng khác. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị Nguyệt  
đã làm đơn xin ly hôn, trong quá trình hòa giải anh Đức muốn hàn  
còn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị Nguyệt vẫn cương quyết, do vậy  
nhà xét thấy vợ chồng nã không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn.  
Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không kết quả.

Về con cái a. Số 3 con chung tên

- Phạm Thị Minh Châu : sinh năm 1978
- Phạm Văn Duy 1980
- Phạm Văn Quang 1983

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị Nguyệt nuôi giữ cháu  
Phạm Thị Minh Châu, sinh năm 1978, anh Đức nuôi giữ hai cháu : -  
Phạm Văn Duy sinh năm 1980 và Phạm Văn Quang, sinh năm 1983, Chị  
Nguyệt cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 10kg gạo, kể từ tháng 6/88  
đến khi cháu Quang trưởng thành, tính theo giá gạo của công ty kinh  
doanh lương thực 1kg thi hành án.

...2/...

Về tài sản : Vợ chồng tạo được 01 cái tivi trắng đơn 16in  
01 máy Cassettees hiệu WILF, 01 đầu máy máy hiệu SINGER, một số  
vật dụng linh tinh .

Khi ly hôn anh chị thỏa thuận chị Nguyễn sở hữu một máy  
Cassettees, Ông chủ máy này , Anh Đức sở hữu một cái Tivi và một số  
vật dụng linh tinh .

Căn cứ vào sự hoán toàn tự nguyện thuận tình ly hôn của  
chị Nguyễn thị Thu Nguyễn vàanh Đức và sự thỏa thuận về  
con cái và tài sản .

Căn cứ vào điều 20,36 của Luật tố chúc Tòa án nhân dân  
công bố ngày 13.07.1981 .

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘT ĐỒ

(+) NGUYỄN - ĐINH

- Áp dụng điều 40,42,44,45 của Bộ luật hôn nhân gia đình  
công bố ngày 03.01.1987 .

1) Về quyền báu yết chung : Công nhận việc thuận tình ly hôn  
của chị Nguyễn thị Thu Nguyễn vàanh Đức và sự thỏa thuận

2) Về con cái : Công nhận sự thỏa thuận giao chị Nguyễn  
nuôi giữ cháu :

- Phạm thị Minh Okium sinh năm 1978

Anh Đức nuôi giữ hai cháu tên :

- Phạm Văn Duy , sinh năm 1980

- Phạm Văn Quang " 1983

Chị Nguyễn cói dùng để nuôi con hàng tháng là 20 kg gạo  
cho cháu Quang kể từ tháng 6/1980 đến khi cháu trưởng thành , tính  
theo giá gạo của công ty Xương thép Lào Cai bình ổn .

Chị Nguyễn nêu rõ được quyền di lại thăm nom giáo dục  
con chung .

Vì quyền lợi của con cái khi cần thiết có thể thay đổi  
việc nuôi con hoặc đóng góp phí tổn nuôi con .

Về  
3) Tài sản : Ông nhận sự thỏa thuận với Nguyễn số sau

01 máy cưa gỗ hiệu WAD

01 đầu máy may hiệu SINGER

Anh Đức số hàn : 01 tivi trắng đen 16 in & một số vật  
dụng bình thường.

Ấn phí số thẩm 300 đồng (ba trăm đồng) mỗi bên nộp 150  
đồng (một trăm mươi)

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân  
dân Tòa án TP. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra quyết  
định.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN RỪA KH

PHÓ CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Nhập

Sao y bản chính

Ngày 23 tháng 09 năm 1988

Đại diện cho dân H. Nhập  
PHÓ CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Nhập



THAY ĐỔI CHỖ Ở CÁ NHÂN

Chứng nhận đã chuyển dền ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển dền ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển dền ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển dền ở: .....

Từ ngày .... tháng .... năm .....

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Điều 1: Thị trấn Móng Cái  
Lô thay đổi số  
Móng Cái 48/2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

số: 404295...CN

Họ và tên chủ hộ: ... *Kogniem Phi, g/1* ...  
Áp, ngõ, số nhà: ... *19 G/1* ...  
Thị trấn, đường phố: ... *Còn Gáy, Thuyết* ...  
Xã, phường: ... *Ba* ...  
Huyện, quận: ... *Cù* ...

Ngày 10 tháng 3 năm 1982  
Trưởng công an: *Quản Cù*  
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Số NK 3: .....

*Trưởng công an*



Embassy of the United States of America  
Bangkok, Thailand

FEB 3, 1993

Nguyen Thi Thu Nguyet  
196/3 Ton That Thuyet  
P. 03, Q. 01  
T/P Ho Chi Minh

Ref: Interview # H16-929/AEA  
IV # 333052

Dear Nguyen Thi Thu Nguyet:

Following a thorough review of your case by this office, it has been determined that the following persons are not eligible for entry to the United States of America, under the Orderly Departure Program.

NGUYEN THI THU NGUYET  
PHAM THI MINH CHAU

PHAM VAN DUY  
PHAM VAN QUANG

This determination was based upon the following:

- The evidence submitted does not satisfactorily establish the claimed relationship between you and Nguyen Van Nguu. It appears that you are not single and part of Nguyen Van Nguu's household.

We regret that we cannot give you a more favorable reply.

Sincerely,

Consular Officer  
Orderly Departure Program

Note: Correspondence to ODP from Vietnam should be mailed to the following address: So Ngoai Vu, 6 Thai Van Lung, Q. 1, T.P. Ho Chi Minh.

RAP: AEA/10k (7492x/9)

ODP-26  
8/82

Date : Feb 25th 1993

RSF : IV # 333052

H/16-929/AEA

TO : The Director  
Orderly Departure Program  
Bangkok -Thailand-

NGUYEN VAN NGUU  
196/3 Ton That Thuyet St.  
Phuong 3, Quan 4.  
Ho Chi Minh City -VIETNAM-

Dear Sir,:

I have just received your office's letter of February 09rd 1993 concerning the case of my daughter, NGUYEN THI THU-NGUYET.

Basing on this letter, we were advised that NGUYEN THI THU-NGUYET, along with her 3 children was not eligible for entry to the USA accompanying me for the following reasons:

- She has not remained single
- She is not a member of my family.

I would like to declare some matters relating to my daughter, NGUYEN THI THU NGUYET, for your favorable re-consideration.

1/ As for my daughter's single status/:

I do guarantee that, presently, my daughter NGUYEN THI THU-NGUYET is single on the evidence of the following documents:

- In my entry file (IV # 215684) as well as at the Interview, I have presented the copy of the Decree for Recognition of Divorce between PHAM VAN DUC and NGUYEN THI-THU NGUYET given by the People's court.

At the request of the ODP Officer in the Interview, I have submitted a copy of Marriage certificate between PHAM VAN DUC and another women after their above-mentioned Divorce.

- And my Household Registration and the School-Records of her 3 children in support of my Application.

2/ On my honour, I do guarantee that NGUYEN THI THU NGUYET is my natural daughter and member of my family.

- On this matter, I have also presented the Birth certificate, in which the Related details mentioned is that:

\* NGUYEN THI THU NGUYET-Born on Dec 16th 1960 is the daughter of : Mr. NGUYEN VAN NGUU  
Occupation : Captain (formerly) and Mrs. NGUYEN THI MINH.

This Birth certificate was registered at TAN XUYEN Village, AN XUYEN Province (at that time) my unit occupied at AN XUYEN Sector).

- Based on my children's Birth certificates and NGUYEN-THI THU NGUYET's as well as my Household Registration, I do guarantee that NGUYEN THI THU NGUYET is actually a member of my family.

Apart from this, during the time of my being re-educated in the concentration camp, including after my wife's death April 5th 1986, my daughter, NGUYEN THI MINH NGUYET has visited and supported me in the days of hard labour in the camp.

Until Feb 13th 1988, after being released, I returned to live with my daughter's family (THU NGUYET) and she has provided all the financial maintenance assistance since then because of my unemployment.

I do solemnly swear to speak the truth, the whole truth and nothing but the truth.

Would you please kindly re-consider my daughter case - NGUYEN THI THU NGUYET so that she may be permitted to leave for the USA accompanying me.

Thank for your assistance.-

Note : I have send to you some documents as follow :

- The household Registration
- The School-Records of 3 children
- The Birth certificate of NGUYEN THI THU NGUYET.

Respectfully yours,



NGUYEN VAN NGUU

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, phường .....  
Huyện, Quận .....  
Thị, Thành phố **Đà Nẵng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT 3  
Số **152**  
Quyển số **03/1992**



## GIẤY KHAI SINH (BẢN SAO)

Họ và tên **Nguyễn Thị Thu Nguyệt** Nam hay nữ **Nữ**  
Ngày, tháng, năm sinh **Ngày 16 Tháng 12 năm 1960**

Nơi sinh **Tổ 1, Phố 3, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng**  
Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **/ Việt Nam**

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<b>Nguyễn Thị Minh</b>	<b>Nguyễn Văn Nghĩa</b>
Tuổi	<b>(Cháu)</b>	<b>/</b>
Dân tộc	<b>/</b>	<b>Kinh</b>
Quốc tịch	<b>/</b>	<b>Việt Nam</b>
Nghề nghiệp	<b>/</b>	<b>/</b>
Nơi thường trú	<b>/</b>	<b>196/3 Tổ 1 Phố 3, Quận Cẩm Lệ, Thành Phố Đà Nẵng</b>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

**Nguyễn Thị Thu Nguyệt**

Người đứng khai

Đăng ký ngày **28** tháng **08** năm **1992**  
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN **Q4**  
**P. Chủ tịch**  
**Võ Hoằng Tám**

CHỨNG NHÂN SAO Y BẢN CHÍNH  
Ngày **29** tháng **09** năm **1992**  
T/M UBND **Q4**

ký tên, đóng dấu



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

# KHAI IL-SANH

CON CỦA  
NGUYỄN THỊ THU-NGUYỄN HU

Tên họ ..... **Nguyễn Bé** ..... Phái **Nữ** ..... Tuổi **hai dương 18** ch.

Sinh ngày **Một nghìn chín trăm sáu mươi, hời 23 giờ 40 phút.**

Năm **Tân Hợi** (Nhâm Tý)

Tại

CON CỦA  
NGUYỄN VĂN NGƯỜU

Cha (tên họ) **Bà Huỳnh-hai-tuổi** Đội-đẹ

Tuổi **Nineteen** Nghề **Tân Xuyên** (Anh Xuyên)

Trú tại **NGUYỄN THỊ MINH**

Mẹ (tên họ) **Nai mươi tam tuổi** Hồi trai

Tuổi **Tám** Nghề **Tân Xuyên** (Anh Xuyên)

Trú tại **Chánh, hòn thủ số 13, ngày 30 tháng 8**

Năm (chánh bay thứ) **61.1956.**

Quận-đô-thị

Đông-đô-thị

Quận-đô-thị

Đông-đô-thị

Quận-đô-thị

Đông-đô-thị

Quận-đô-thị

Đông-đô-thị

Quận-đô-thị

&lt;

LIST OF FORMER POLITICAL PRISONERS RELEASED FROM  
SEPTEMBER 1991 TO MAY 1992 WHO NEED TO BE INTERVIEWED BY ODP\*\*\*

	NAME	IV #	HO LIST#	RD LIST#	REMARKS
1	Pham Duy Tat	264361	39	7	Already arrived
2	Bui Hop	86098	38	7	
3	Nguyen Van Tan	264702		7	
4	Nguyen Xuan Loc	116488		7	
5	Trinh Bao Chuong	25355		7	
6	Do Ke Giai	505151	40	7	
7	Nguyen Tu Thai	201522		7	
8	Nguyen Huu Hai	51494	40		
9	Tran Quang Luu	48980	39	7	
10	Huynh Kim Hieu	129394	40	7	
11	Truong Duy Tai	116639	38	7	
12	Nguyen Tham	280379	37	7	
13	Tran NGoc Diem	523657	39		
14	Ho Duc Sung	47209	39		
15	Nguyen Dat Phong	317028	40		
16	Le Van Loi	70494	39		
17	Nguyen The Hung	122478	39	7	
18	Vo Thanh Tong	54899	39	7	
19	Luong Khac Phap	122329	39		
20	Duong Van Vui	316578	39	7	
21	Le Kim Nhan	260575	39	7	
22	Phan Huu Nghi	276400	39	7	
23	Luong Trong Lat	205009	40	7	
24	Phan QUANG Nghiep	260599	39	7	
25	Le Huu Minh	44653	39	7	
26	DANG Vinh Mai	283367	39		
27	HO Viet Tong	8338	39	1	
28	Huynh Thanh Nhon	66474	39	7	
29	Le Thanh Phuoc	253959	20		
30	Dang Van Nghiem	272341	39	7	
31	Pham Gia Dai	216276	40		
32	Tran Van Suu	81350	39		
33	Buu Uy	317047			
34	Dao Thanh Phong	276903	39	7	
35	Nguyen Huu Sao	75529			
36	Tran Van Man	68851			
37	Nguyen Duc Thang	89010		7	
38	Cao Nguyen Khoa	44078	39	7	
39	Vinh Bieu	30000		7	
40	Lam Minh Chanh	253961		7	
41	<del>Tsan Soi Po</del>	030723			
42	Truong Vinh Thuy	221893			
43	Le Dinh Luan	2869	38	7	

\*\*\* NOTES:

Out of the last 100 political prisoners still stranded in Vietnam we have so far received only the above mentioned names. Of the remaining former prisoners, some have already left VN., others have not yet communicated their bio-data to us. This list will be updated as we receive more information.



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 \* Fax: (703) 204-0394

**Hội Đồng Quản Trị**  
**Board of Directors**

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

**Ban Chấp Hành T.U.**  
**Executive Board**

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
Secretary General  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

**Cố Vấn Đoàn**  
**Advisory Committee**

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

### LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON MAY 4, 1992

#### - GENERAL:

1/-	Đỗ Kế Giai	-----
2/-	Lê Minh Đạo	-----
3/-	Lê Văn Thành	-----
4/-	Trần Bá Di	..... 4
TOTAL: .....		4



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 \* Fax: (703) 204-0394

May 2, 1992

### LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

RELEASED ON APRIL 29, 1992

#### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

#### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
Secretary General  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

#### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

#### - COLONEL:

1/- Nguyễn Văn Hán  
2/- Nguyễn Văn São  
3/- Trịnh Bảo Chuồng ..... 3

#### - Lt. COLONEL:

1/- Huỳnh Kim Hiếu  
2/- Huỳnh Văn Kiên  
3/- Nguyễn Hữu Hải  
4/- Nguyễn Đạt Phong  
5/- Trần Văn Mân  
6/- Trần Văn Xoán ..... 6

#### - MAJOR:

1/- Phan Tân Ngưu ..... 1

#### - INTELLIGENCE OFFICER:

1/- Bùi Uy  
2/- Nguyễn Đức Thắng ..... 2

#### - DEFECTOR:

1/- Võ Văn Miên ..... 1

#### - U.S. EMPLOYEE:

1/- Nguyễn Thành Hoá ..... 1

#### - INTERPRETER:

1/- Hoàng Hiếu  
2/- Phạm Gia Đại ..... 2

TOTAL: ..... 16  
=====



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 580-0058 \* Fax: (703) 204-0394

**Hội Đồng Quản Trị**  
Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIÒI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

**Ban Chấp Hành T.U.**  
Executive Board

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIÒI  
Secretary General  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

**Cố Vấn Đoàn**  
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

March 6, 1992

### LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED

#### ON FEBRUARY 10, 1992

- COLONEL:

1/- Bùi Quan Khuê	6
2/- Cao Văn Uy	
3/- Nguyễn Xuân Lộc	
4/- Nguyễn Kim Tây	
5/- Phạm Duy Khang	
6/- Phạm Văn Phô	.....

- Lt. COLONEL:

1/- Hồ Đức Sung	6
2/- Lê Văn Lợi	
3/- Nguyễn Văn Hưng	
4/- Thân Trọng U	
5/- Trần Văn Đậu	
6/- Trần Ngọc Diêm	.....

- MAJOR:

1/- Đặng Văn Ngọc	
2/- Đào Thanh Phong	
3/- Dương Văn Vui	
4/- Hồ Văn Côn	
5/- Hồ Việt Tông	
6/- Huỳnh Minh Chiêu	
7/- Huỳnh Lam Điện	
8/- Huỳnh Thanh Nhơn	
9/- Lê Hữu Minh	
10/- Lê Kim Nhan	
11/- Lù Kim Ba	
12/- Lương Trọng Lát	
13/- Lương Khắc Pháp	
14/- Nguyễn Công Hầu	
15/- Nguyễn Công Quan	
16/- Nguyễn Hữu Trần	
17/- Phạm Tân Ngọc	
18/- Phan Quang Nghiệp	
19/- Phan Ký Niêm	
20/- Trần Xuân Nưởng	
21/- Trương Vĩnh Thụy	21

-----

33

2/.

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS  
ON FEBRUARY 10, 1992

Page 1... 33

- LIEUTENANT:

1/- Lê Huy Quyên .....	1
------------------------	---

- INTELLIGENCE OFFICER:

1/- Bùi Quang Nghĩa	~
2/- Nguyễn Ngọc Tân	~
3/- Trần Quang Lửu.....	3

- INTERPRETER:

1/- Trần Văn Sửu	1
------------------	---

-----

Total:.....	38
-------------	----

=====

RELEASED ON FEBRUARY 11, 1992

- GENERAL:

1/- Mạch Văn Trường	~
2/- Phạm Ngọc Sang	~
3/- Phạm Duy Tất	~
4/- Trần Quang Khôi .....	4

Subtotal...	42
-------------	----

=====



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 \* Fax: (703) 204-0394

FEB 03 1992

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
Secretary General  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

### LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS

#### RELEASED ON JANUARY 15, 1991 :

(from 1975 to 1992) = 17 years

##### - COLONEL :

1/- Lê Đinh Luân	
2/- Nguyễn Văn Cua	
3/- Vĩnh Đắc	..... 3

##### - LIEUTENANT COLONEL :

1/- Trần Văn Tiên	
2/- Trương Duy Tài	..... 2

##### - MAJOR :

1/- Đăng Vinh Mai	
2/- Đoàn Bá Lộc	
3/- Huỳnh Ngọc Thịnh	
4/- Lâm Minh Sơn	
5/- Lê Công Hoan	
6/- Lê Thời Nguyên	
7/- Lê Hữu Tông	
8/- Nguyễn Văn Đôt	
9/- Nguyễn Thế Hùng	
10/- Nguyễn Tâm	
11/- Phan Hữu Nghi	
12/- Trần Chánh Trí	
13/- Tuan Sung Pho	
14/- Võ Thành Tông	..... 14

##### - INTELLIGENCE OFFICER :

1/- Châu Văn Sy	
2/- Châu Văn Ty	
3/- Lê Anh Kiết	
4/- Hoàng Lam	
5/- Huỳnh Tường Sanh	
6/- Nguyễn Văn Chương	(deceased)
7/- Nguyễn Văn Hai	
8/- Nguyễn Thành Long	..... 8

LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERSRELEASED ON JANUARY 15, 1992From page 1:..27- POLITICIAN:

1/- Nguyễn Đình Huy  
2/- Võ Trang ..... 2

- CAPTAIN:

1/- Đặng Văn Nghiêm  
2/- Dương Đức Hiên  
3/- Lê Văn Quang  
4/- Nguyễn Thành Nguyễn  
5/- Phạm Đức Hoàng  
6/- Trần Quang Trưởng  
7/- Vũ Văn Nhật  
8/- Thủ òng (First name) ..... 8

- LIEUTENANT:

1/- Lê Văn Quyên ..... 1

---

TOTAL:..... 38



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 \* Fax: (703) 204-0394

November 5, 1991

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUÝ NHÌ GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIIỆP LOWMAN  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

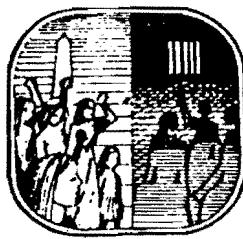
KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUÝ NHÌ GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
Secretary General  
TRƯƠNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

### LIST OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS RELEASED ON SEPTEMBER 2, 1991 (VIETNAM'S NATIONAL DAY)

*****	
: NAME (Last&First name)	: RANK/OCCUPATION
-----0-----	
: 1/- Bùi Hộp	: Colonel
: 2/- Cao Nguyễn Khoa	: Colonel
: 3/- Hồ Văn Kiết	: Lt. Colonel
: 4/- Nguyễn Văn Sang	: Lt. Colonel
: 5/- Nguyễn Văn Tân	: Captain (Navy)
: 6/- Nguyễn Thâm	: Intelligence Officer
: 7/- Trần Văn Đâu	: Intelligence Officer
: 8/- Trần Quốc Di	: Colonel
: 9/- Trần Hữu Đô	: Colonel
: 10/- Trần Duy Hinh	: Major
: 11/- Trần Kim Huê	: Intelligence Officer
: 12/- Trưởng Kim Cang	: Intelligence Officer
: 13/- Trưởng Văn Ty	: Lt. Colonel
: 14/- Vinh Biêu	: Colonel
: 15/- Nguyễn Văn Phúc	: Colonel
*****	



# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 \* Fax: (703) 204-0394

## Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIÒI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

## Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUỲNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIÒI  
Secretary General  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

## Cô Văn Doan Advisory Committee

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

## AGENDA FOR THE MEETING BETWEEN OFFICIALS OF THE DEPARTMENT OF STATE AND REPRESENTATIVES OF THE FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION AND OF FORMER POLITICAL PRISONERS

October 4, 1993

3:00 PM

We wish to discuss the following issues:

1. In cases where political prisoners have died in the camps and their spouses have also passed away or are missing, to allow their children to emigrate to the United States under the provisions applicable to children of deceased political prisoners, but whose spouses are alive. From information provided to us, these circumstances apply to Ms. Doan Thi Thanh My (IV# 61155; both parents are dead) and to Mr. Nguyen Phat Khoi (IV# 116466, father dead; mother missing.)
2. To allow former political prisoners who have legally married since 1990 to leave under the H.O. Program. A letter on this matter, which was addressed to Senator Kennedy, is attached for your information.
3. The children of former political prisoners who, without being legally married, have children of their own, have been refused admission to the United States under the program even after having submitted legal proof and documentation of separation from their common law spouses. To allow these single parents to emigrate to the United States under the same conditions applying to unmarried children of former political refugees.

4. To allow unmarried children of former political prisoners, who for various reasons, such as work, now live separately from their parents, to emigrate together with their parents.
5. To allow married children of prisoners to emigrate to the United States as immigrants or parolees. This would provide for complete reunification of political prisoners and their close relatives after many years of long separation.
6. To pursue the resettlement program for former political prisoners even after the normalization of relations between Vietnam and the United States either through reunification or free cases.
7. Accept for resettlement relatives (wives and children) of former political prisoners who meet the ODP conditions for resettlement but have since died.
8. Accept for resettlement former political detainees who were captured before 1975 and count time spent in jail before 1975 towards the three years required by ODP for priority eligibility , such as the case of Nguyen Van Thanh (IV# 252961.)
9. Of the 115 prisoners released from re-education camps between September 1991 and May 1992 how many have arrived in the U.S.? This information would be helpful for the purposes of planning our 1994 reception for former political prisoners to be held on Capitol Hill.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BC Father died 0635 IV# : 116466

Mother missing VEWL# : 48576

I-171: Y N

EXIT VISA.#: yes

\*\*\*\*\* CHILDREN \*\*\*\*\*  
\* WIDOW OF FORMER P  
\* REGISTRAT  
\* (Two Cc  
\*\*\*\*\*

Agenda #1

The purpose of this form is to identify, WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Phat Khoi  
Last Middle First

Current Address 99 Dien Bien Phu, Quan 1, Thanh Pho Ho Chi Minh

Date of Birth 8-1-68 Place of Birth Vietnam

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/ FATHER)

NGUYEN PHAT LOC

Previous Occupation (before 1975) Chief of Central CIA of Vietnam  
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1975 To DEATH DATE: 10/28/88

3. SPONSOR'S NAME: Khuc Minh Tho  
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN PHAT KHOI -  
(Listed on page 1)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

MINISTÈRE DE L'INTERIEUR

CENTRE : NAM HÀ

10 : 23/87

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

00087600382

SHSLD

-0-

PROCES-VERBAL DE DÉCÈS DE PRISONNIERS

Ce jourd'hui 28.10.1987

Au Centre de rééducation Nam Hà

Nous :

Surveillant : Lưu Văn Hán

Médecin : Nguyễn Văn Cảnh

Cadre de permanence : Huỳnh Tấn Huỳnh

Témoin : Nguyễn Xuân Minh

Dressons procès-verbal sur prisonniers :

Prénom et nom : Nguyễn Phát Lộc né en 1935

Lieu de naissance : Tường Lộc - Tam Bình - Vĩnh Long

Lieu de résidence : 99 Biên Hòa TP. Hồ Chí Minh

Inculpation : Directeur de la Direction d'Etudes, ~~incarcé le~~  
~~le 15.6.1975~~

Peine : TTCT suivant décision N° 55 du 2.8.1976

Du : Ministère de l'Intérieur

N° matricule de prisonnier : 2822 du 23.8.1975 à : NV15

Après une période de traitement à : Infirmerie - Hôpital

Les docteurs se dévouaient pour la guérison, mais la maladie était trop grave, l'intéressé mourut à 2 heures du 28.10.1987

Au : Centre de rééducation Nam Hà

A la suite de la maladie : Tuberculose pulmonaire grave

Le Centre a organisé l'enterrement à : Cimetière 2D

N° du tombeau : 245

Procès-verbal dressé a été relu à toutes les personnes présentes qui certifient exact et signent :

TÉMOIN

CADRE DE PERMANENCE

MÉDECIN

SURVEILLANT

Signé: Nguyễn Xuân Minh

Huỳnh

Nguyễn Văn Cảnh

Lưu Văn Hán

(Lieutenant Colonel  
Cachet)





# HỘI GIA-ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA. 22205-0635

Telephone: (703) 560-0058 • Fax: (703) 204-0394

### Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KIẾU MINH THƠ  
NGUYỄN QUÝNH GIAO  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
NGUYỄN XUÂN LAN  
HIỆP LOWMAN  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
TRẦN KIM DUNG  
NGUYỄN THỊ KHEN

### Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KIẾU MINH THƠ  
President  
NGUYỄN QUÝNH GIAO  
Vice President  
NGUYỄN VĂN GIỎI  
Secretary General  
TRƯỜNG THỊ LANG ANH  
Treasurer  
NGUYỄN THỊ KHEN  
Deputy Treasurer

### Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIỆP LOWMAN  
NGUYỄN XUÂN LAN  
TRẦN KIM DUNG

August 14, 1992

The Honorable Priscilla Clapp  
Senior Deputy Assistant Secretary  
Bureau for Refugee Programs  
Department of State  
Washington, D.C. 20520

Dear Ms. Clapp:

On behalf of the Families of Vietnamese Political Prisoners Association we would like to bring to your attention two specific cases involving:

Le Van Khoa, IV 316627, HO-16-387  
Nguyen Viet Truong Son, IV 316635, HO-16-352

As you will recall, we had a meeting with you on January 24, 1992, at which time we brought to your attention our issues and concerns. Specifically, we had been advised of the existence of a group of former Vietnamese political prisoners who were arrested prior to 1975 as the result of their participation in battles in Laos and Cambodia side by side with the United States Army. In addition to the two above-referenced cases you may recall a particular case we brought to your attention when we met. Specifically, this case involved Nguyen Van Thanh, IV #252961, who was detained May 30, 1971 through February 1976.

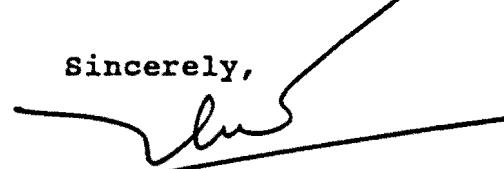
In spite of having been issued exit visas, these prisoners have been denied entry to the Untied States as the ODP does not take into account years of imprisonment prior to 1975. In our view, this group should have the same considerations as other political prisoners since they all fought for the same causes...which are freedom and democracy in South Vietnam.

The Honorable Priscilla Clapp  
Senior Deputy Assistant Secretary  
August 14, 1992  
Page Two

I have attached, for your review documentation regarding the issues and concerns around the three cases that I am presenting to you.

To date, these cases have not been satisfactorily resolved and we continue to patiently await resolution. Your kind intervention and assistance in this particular matter would be greatly appreciated. If you feel it is necessary that we meet again to discuss this issue in more detail, please feel free to contact me at your convenience.

Sincerely,



\_\_\_\_\_  
(Mrs.) Khuc Minh Tho  
President

KMT/lrc-d  
Attachments